

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 6

BẮT ĐẦU TỪ THÁNG GIÊNG NIÊN HIỆU TRINH QUÁN THỨ XIX ĐI VÀO TÂY KINH ĐẾN THÁNG SÁU NĂM XX VIẾT LỜI TỰA NGŨ CHẾ KINH VÀ LỜI ĐÁP

Vào tháng giêng mùa Xuân niên hiệu Trinh Quán thứ chín (645) ở kinh thành các quan Lưu Thủ, Tả Bộc Xạ, Lương Quốc Công, Phòng Huyền Linh v.v... thừa lệnh vua biết Pháp sư mang kinh tượng đến bèn sai đại tướng quân Hữu Vũ Hầu, Hầu Mạc Trần Thật, Tư Mã Ung Châu là Lý Thúc Thông, huyện lệnh Tường An là Lý Càn Hựu, đi đón rước Pháp sư. Ngài từ Tào Thượng đến, vào khách xá ở kinh đô để nghỉ. Những người đi theo đông nhiều như mây.

Vào ngày ấy, quan Hữu ty ban cho các chùa xe có màn trướng, phướn hoa, v.v... để đón rước kinh tượng về chùa Hoàng Phước. Dân chúng vô cùng hân hoan đua nhau trang nghiêm. Hằng mấy trăm hương án sắp hàng để đặt kinh tượng do Pháp sư mang về.

Pháp sư sang Tây Vực đã mang về gồm:

Một trăm năm mươi hạt xá-lợi Phật

Một tượng Phật bằng vàng lưu ảnh ở trong hang rồng, núi Chánh Giác. Nước Ma-yết-đà, cùng với tòa báu cao khoảng ba thước bốn tấc.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, là tượng khi Phật quay bánh xe pháp ở vườn nai, nước Bà-la-nê-tư, cùng với tòa báu cao ba thước năm tấc.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, do vua Xuất-ái nước Kiêu-thưởng-di vì nhớ kính Phật nên dùng cây đàn hương khắc đúng chân tướng của Phật, luân cả tòa báu cao hai thước chín tấc.

Một tượng Phật bằng bạc, cả tòa cao bốn tấc, tạc hình Như Lai từ cung trời giáng sanh xuống nước Ca-tỳ-la-vệ.

Một tượng Phật bằng vàng cao ba thước năm tấc luôn cả tòa, tạc

hình Phật đang nói kinh Pháp Hoa và các kinh khác, trên đỉnh Linh Thứu, nước Ma-yết-đà.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn cao một thước năm tấc luôn cả tòa, tạc hình Phật hàng phục rồng dữ ở xứ Na-yết-la-hạt.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, tạc hình Phật đi khất thực hành hóa quanh thành Phê-xá-ly.

Còn về kinh sách Pháp sư mang về được hai trăm hai mươi bốn bộ kinh Đại Thừa, một trăm chín mươi hai bộ luận Đại thừa.

Mười lăm bản kinh Luật luận của Thượng tọa bộ.

Mười lăm bộ kinh Luật luận của phái Đại chúng bộ.

Mười lăm bộ kinh luật luận của Tam di để bộ.

Hai mươi hai bộ kinh Luật luận của Di-sa-tắc bộ.

Mười bảy bộ kinh luật luận của Ca-diếp-tí-da bộ.

Bốn mươi hai bộ kinh luật luận của Pháp mật bộ.

Sáu mươi bảy bộ kinh Luật luận của thuyết Nhất thiết hữu bộ.

Ba mươi sáu bộ luận Nhân minh.

Mười ba bộ luận Thanh minh.

Tổng cộng có năm trăm hai mươi hòm, sáu trăm năm mươi tám bộ, phải dùng hai mươi con ngựa để chở về.

Ngày hôm đó, quan Sở ty ban phát hiệu lệnh cho các chùa, đều phải chuẩn bị cờ báu, phướn báu để cúng dường đầy đủ, kỳ hạn đến ngày hai mươi tám sẽ nhóm họp tại ngã tư Chu Tước để đón rước kinh tượng về chùa Hoàng Phước. Khi ấy mọi người hớn hở, đua nhau trang nghiêm các thứ tốt đẹp, với các loại cờ báu, phướn báu, lọng báu, bàn báu, xe báu. Mỗi chùa đều đã phân bố xong, tăng ni tề chỉnh đi theo sau, nhã nhạc vang lên ở trước còn hương xông đăng sau, bây giờ đều bày khắp các ngã đường, có cả mấy trăm việc, theo sau kinh tượng mà lần lượt đi. Âm thanh vang dội, tràng hoa tán đầy, các việc tính trước để cung nghinh đều có ca vịnh. Ai cũng quên hết nhọc mệt mà khen là ít gặp. Bắt đầu từ trong thành ở đường Chu Tước, cuối cùng ở cửa chùa Hoàng Phước, trong mấy mươi dặm, đều là những bậc sĩ tử quan liêu khắp cả trong ngoài, sắp hàng đứng ở hai bên đường mà chiêm ngưỡng. Dòng người đông nghẹt, quan Sở ty sợ họ chen lấn nên ra lệnh các nơi đốt hương tung hoa tại chỗ không được di động. Vậy mà âm thanh khen ngợi cùng hương hoa đốt lên như mây khói liên tục các nơi không dứt. Thuở xưa, Như Lai giảng hạ ở thành Ca-tỳ-la-vệ, Di-lặc lúc đầu lên cung Đổ-sử, có rồng thần cúng dường, các trời vây quanh. Sự đón rước lúc này tuy không bằng nhưng cũng đủ để Phật pháp hưng thịnh mãi nơi

đời. Ngày hôm đó, mọi người cùng thấy ở trên hư không có vầng mây năm màu rất đẹp, hiện ở phía Bắc mặt trời uyển chuyển bay trên kinh tượng, rực rỡ rõ ràng bay khắp cả vài dặm như đón rước, như đưa đi, khi đến chùa rồi mới tan.

Thích Ngạn Tông biên thuật lại rằng:

“Tôi sưu tầm trong các sách sử, thì vầng mây che này là hỷ khí của trời. Người nào biết thì vui mừng. Thuở xưa, Đức Như Lai giáng sanh xuống nước Ca-tỳ-la-vệ, Đức Di-lặc lên cung trời Đổ-sử, trời rồng cúng dường, các trời đón rước, tuy không bằng lúc đương thời, nhưng cũng làm cho di pháp được truyền bá về phía Đông, hưng thịnh ở đời”.

Năm Nhâm thìn Pháp sư vào yết kiến Văn Đế Thánh Hoàng ở cung Lạc Dương. Tháng hai năm Kỷ hợi được tiếp kiến ở điện Nghi Loan. Vua đón rước an ủi trọng hậu. Khi Pháp sư ngồi rồi vua mới hỏi:

Vì sao thầy đi mà không bẩm báo?

Pháp sư tạ lỗi nói:

Lúc Huyền Trang ra đi, có dâng biểu tấu ba lần, nhưng nguyện lực thành ý còn thiếu kém nên không mong được cho phép, vì lòng mộ đạo không thôi, cho nên mới riêng mình lén đi, tội tự chuyên này trong tâm rất lo sợ hổ thẹn.

Vua nói:

Thầy xuất gia khác với thế tục. Nhưng lại có thể quên mình cầu pháp, làm lợi lạc quần sinh, trẫm rất vui mừng, cũng không phiền muộn. Nhưng mà đường xá xa xôi núi sông cách trở, đầy những hiểm nạn ngặt nghèo, phong tục tập quán lại khác mình. Vậy làm sao thầy có thể đến đó được?

Pháp sư đáp rằng: Huyền Trang có nghe:

“Nương theo gió mạnh thì đào được ao trời chẳng phải là việc xa vời, ngự trên thuyền rồng để vượt qua biển sóng thì không khó. Từ khi Bệ hạ lên ngôi cửu ngũ, thanh đức vang ra bốn biển, thuần phong soi sáng khắp trời nam, thánh uy chấn động cả ngoài sông núi. Cho nên các nước mọi rợ đều tôn là quân trưởng, mỗi khi thấy chim bay liệng trên mây, từ trời đông đến còn nghĩ đó bắt đầu từ nơi thượng quốc, mà cúi rạp mình lại để tỏ lòng cung kính, huống chi Huyền Trang là người đầu tròn áo vuông, đích thân nhận lãnh trách nhiệm quả khai hóa muôn sinh, bởi nhờ đức thiên uy cho nên việc đến đi đều không khó khăn”.

Vua nói:

Đây là tự nơi lời nói của sư trưởng, trẫm làm sao được như vậy. Nhân đó vua lại hỏi các việc bên nước kia, từ phong cảnh của ngọn núi

Tuyệt bên trời Tây Ấn Độ, cùng các phong tục tập quán khí hậu nhân tình vật sản. Các thánh tích của các Đức Phật quá khứ...

Ngựa vằn không có để chở kinh, Pháp sư đã đích thân du hóa xứ người, những điều tai nghe mắt thấy ghi nhớ không sai sót, tùy theo những điều vua hỏi mà đối đáp lại có tình lý rõ ràng. Vua rất vui, bảo các quan hầu rằng:

Thuở xưa, vua Phù Kiên khen ngài Đạo An là thần khí, cả triều đình đều tôn trọng. Nay trẫm thấy Pháp sư luận đạo trang nhã, phong tiết cao vời, đã không hổ thẹn với người xưa cũng đủ soi sáng khắp xa gần.

Bấy giờ, Triệu Quốc Công là Trưởng Tôn Vô Kỵ đáp:

Thật đúng như thánh chỉ. Thần có đọc xuân thu các nước thấy các việc an thật là do các bậc cao tăng bác học hạnh đức sâu xa, nhưng Phật pháp truyền bá đến nay, kinh luận không nhiều. Tuy có vị tìm tòi nghiên cứu, nhưng không bằng Pháp sư xả thân đi đến đất Phật, tìm hết cội nguồn các điều nhiệm mầu, tìm ra dấu vết của Niết-bàn.

Vua nói: Ông nói rất phải!

Vua nói với Pháp sư rằng:

Nước Phật xa xôi, các thánh tích linh ứng và giáo pháp, sử trước có chép nhưng không được rõ ràng, thầy đã tự mình đến đó trông thấy mọi việc, cần nên truyền ra rộng rãi cho những người chưa nghe. Vua lại xét Pháp sư có thể đảm nhiệm được việc quốc gia, nhân đó lại khuyên sư hoàn tục để lo việc thế sự.

Pháp sư từ tạ rằng:

Huyền Trang từ thuở nhỏ đã đặt chân vào cửa thiền, quy hướng Phật đạo, tu tập lễ huyền tông, Khổng giáo còn chưa nghe đến. Nay nếu trở về thế tục thì chẳng khác gì thuyền đang theo dòng nước mà lại bỏ nước chèo trên đất bằng. Đã không có công đức, còn khiến cho Tông đồ bị hủ bại, nguyện xin trọn đời được hành đạo để báo ơn nước, đó cũng là may mắn cho Huyền Trang lắm.

Pháp sư cố từ chối như thế vua mới thôi.

Bấy giờ, vua sắp đặt cuộc chinh phạt phương xa, mộ binh sĩ hội ở Lạc Dương, việc quân rất bận rộn. Nghe có Pháp sư đến, liền bảo quân dẫn vào triều để gặp mặt. Rồi khi đàm luận, lời hay hòa hợp quên cả thời gian.

Triệu Quốc Công Trưởng Tôn Vô Kỵ phải trình tấu, đưa Pháp sư về nghỉ tại Hồng Lô, vì sợ không kịp trời tối. Vua bèn nói:

Bỗng chốc vẫn chưa hết ý, nay trẫm muốn cùng thầy đi về phương

Đông để xem xét nhân tình. Ngoài việc chỉ huy còn để đàm đạo, vậy ý thầy như thế nào?

Pháp sư từ chối rằng:

Huyền Trang từ xa mới về lại đang có bệnh, sợ không kham được việc bồi giá Thánh thượng.

Vua nói:

Sư còn có thể một mình đi đến nước xa xôi, nay việc đi này chỉ như nửa bước chân, sao lại từ chối.

Pháp sư đáp:

Bệ hạ trong cuộc đánh dẹp các nước phía Đông này có sáu quân hộ tống, phạt loạn quốc giết tặc thần, chắc chắn sẽ thắng được Mục Dã và đánh bại Côn Dượng. Huyền Trang tự biết, sẽ không giúp được cho việc hành quân này. Lại trở thành gánh nặng, tốn phí vô ích. Và lại trong luật Phật dạy, tăng sĩ tránh xem các việc quân trận tập duyệt binh khí, Như Lai đã có lời dạy như vậy, nên không dám vâng lệnh Bệ hạ được, xin Bệ hạ mở lòng thương xót thì thật là may mắn cho Huyền Trang.

Vua tin hiểu liền thôi không mời nữa. Pháp sư lại tâu:

Huyền Trang sang Tây Vực đã mang về các kinh bản Phạm hơn sáu trăm bộ, chưa dịch được một lời, nay thần biết ở phía Bắc núi Thiếu Thất thuộc phía Nam núi Trung này chùa Thiếu Lâm, nơi đây cách xa chốn kinh thành nên thanh bạch an nhàn, núi đá sông suối u huyền, vắng lặng. Đó là nơi Hoàng đế Hiếu Văn đời Hậu Ngụy đã xây dựng, tức là nơi ngài Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch ba tạng kinh điển. Huyền Trang này những mong vì nước được phiên dịch tại đây, Cầu mong vua ban sắc chỉ.

Vua nói:

Đâu cần phải ở trên núi, sau khi thầy đã đi Tây phương, trẫm vì Mục Thái Hậu nên cho xây dựng chùa Hoàng Phước ở Tây Kinh. Chùa này cũng có thiền viện rất thanh tịnh, Pháp sư cũng có thể đến đó để phiên dịch.

Pháp sư lại tâu:

Dân chúng không thấy biết Huyền Trang từ Tây Vực mới về, sẽ tìm đến đây để xem, thành ra sẽ ồn ào, khó mà tránh được. Đã trái theo luật nước mà trở ngại cho pháp sự. Vậy xin cho người giữ cửa dừng để cho ai qua lại.

Vua rất vui nói:

Ý của thầy đây có thể gọi là lời bảo trọng thân mình, phải chia

ra các nơi, thầy có thể dừng lại năm ba ngày nghỉ ngơi xong rồi hãy trở về chùa Hoằng Phước để sắp đặt. Nếu có việc gì xin cùng đàm đạo chớ nên từ chối vậy.

Tháng ba năm Kỷ ty, Pháp sư từ Lạc Dương trở về đến Trường An, liền trụ chùa Hoằng Phước để phiên dịch kinh sách. Ngài viết sớ thỉnh nguyện quan Tư Không Lương Quốc Công Huyền Linh xin cung cấp các vị cùng phiên dịch và chứng nghĩa, cùng thư ký ghi chép v...v Huyền Linh khiến các quan Sở ty tìm đủ những người mà Pháp sư cần. Đến tháng sáu mùa Hạ năm Mậu tuất, những vị Đại đức chứng nghĩa am hiểu các kinh luận Đại, Tiểu thừa cùng đến chùa Hoằng Phước, đó là mười hai vị danh tăng đương thời, tức là Sa-môn Linh Nhuận và Văn Bị ở chùa Hoằng Phước tại kinh đô, Sa-môn Tuệ Quý chùa La-hán, Sa-môn Minh Diễm chùa Thật Tế, Sa-môn Pháp Tường chùa Bảo Xương, Sa-môn Phổ Hiền chùa Tịnh Pháp, Sa-môn Thần Phưởng chùa Pháp Hải, Sa-môn Đạo Thâm chùa Pháp Giảng ở Quách Châu, Sa-môn Huyền Trung chùa Diển Giác ở Biện Châu, Sa-môn Thần Thái chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, Sa-môn Kính Minh chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu và Sa-môn Đạo Nhân chùa Đa Bảo ở Ích Châu.

Lại có chín vị Đại đức coi về trau chuốt lời văn, đó là Sa-môn Thê Huyền chùa Phổ Quang ở kinh đô, Sa-môn Minh Tấn chùa Hoằng Phước, Sa-môn Biện Cơ chùa Hội Xương, Sa-môn Đạo Tuyên chùa Phong Đức ở núi Chung Nam, Sa-môn Tịnh Mại chùa Phước Tự ở Giản Châu, Sa-môn Hành hữu chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, Sa-môn Đạo Trác chùa Thê Nham, Sa-môn Tuệ Lạp chùa Chiếu Nhân ở U Châu và Sa-môn Huyền Tắc chùa Thiên Cung ở Lạc Châu. Lại có một vị Đại đức tự học là Sa-môn Huyền Ứng chùa Đại Tổng Trì ở kinh đô và một nhà học giả về tiếng Phạm là Sa-môn Huyền Mộ chùa Hưng Thiện ở kinh đô. Ngoài ra còn có các vị ghi chép, thư ký cung cấp tài liệu cũng đều đến đủ.

Vào niên hiệu Đinh Mão Pháp sư mới bắt đầu công việc phiên dịch, khai diễn phạm văn, trước tiên dịch bốn bộ: kinh Bồ-tát Tạng, kinh Phật Địa, kinh Lục Môn Đà-la-ni, luận Hiển Dương Thánh Giáo v.v... Ngay ngày hôm đó Ngài dịch xong kinh Lục Môn, kinh Phật Địa đến năm Tân ty dịch mới xong, kinh Bồ-tát Tạng và luận Hiển Dương đến cuối năm mới xong. Vào tháng giêng mùa Xuân năm Giáp tý (646) Sư lại bắt đầu dịch Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tạp Tập luận. Đến tháng hai thì xong. Lại dịch luận Du-già-sư-địa, đến tháng bảy mùa Thu năm Tân Mão Pháp sư tiến hành việc tân dịch các kinh luận hiện đã xong. Lại

dâng biểu rằng tâu rằng:

Pháp sư Huyền Trang nói: Trộm nghe yếu chỉ của Bát chánh đạo, thật là bến bờ để vượt qua biển khổ. Tông phái nhất thừa, chính là thêm thang để bước lên lầu đài Niết-bàn. Nhưng vì căn cơ chúng sanh chưa thuần thực đắm chìm trong năm dục sáu trần, nên giáo pháp chưa từng nghe. Trải qua các triều đại Chu Tần mà giáo pháp vẫn chưa đến. Đến khi ngài Ma-đăng vào Lạc Dương, mới biết vùng Tam Xuyên, ngài Tăng Hội đến nước Ngô, mới thấm nhuần Kinh Sở. Từ đó đến nay, người người tu theo nhân giải thoát, gia nghiệp nơi gốc Bồ-đề. Đều biết việc truyền pháp làm lợi lạc chúng sanh thật là vô lượng. Lại đến khi ngài Nghiêm Hiển cầu kinh, Ngài Phật Đồ Trường, La-thập nối tiếp nhau phiên dịch thì tuy gió giải thoát đã thổi mà chưa cùng khắp, cho nên Huyền Trang này chẳng ngại sinh tử, một mình đi tìm minh thánh. Kinh sách đã mang về nay khởi trình tấu văn, mong Bệ hạ kính trọng lời thánh, ban sắc phiên dịch. So với các vị tăng học thì chuyên tinh ngày đêm, không bỏ phí ngày tháng, tuy đã chấp bút lâu nay mà vẫn chưa xong, nay vừa xong năm bộ năm mươi tám quyển đó là Đại Bồ-tát Tạng kinh hai mươi quyển, kinh Phật Địa một quyển, kinh Lục Môn Đà-la-ni một quyển, luận Hiển Dương Thánh giáo hai mươi quyển, luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tập Tập mười sau quyển, cộng chung thành tám pho, sao chép riêng, kính đến cung dâng lên.

Huyền Trang lại nghĩ: chùa Hoàng Phước tôn tượng mới hoàn thành, Bệ hạ đích thân đến đây để xem tường tận. Nay kinh điển dịch lúc đầu là vì thánh đại Tân Văn, dấm duyên nghĩa trước, cũng mong cầu thánh điển. Nay xin Bệ hạ ghi lời tựa để tán dương tông yếu, cho đời sau hiểu rõ yếu chỉ sâu xa. Mong cùng nhật nguyệt soi sáng, chữ ngọc, câu vàng, vững chắc như trời đất, lưu đến muôn đời sau, ca vịnh không cùng, cả ngàn năm sau chiêm ngưỡng không dứt. Trước ở Lạc Dương đã gặp Thánh quân, sắc cho Pháp sư soạn Tây Du Ký, đến nay đã thành. Năm Ất mùi lại dâng biểu Pháp sư Huyền Trang nói:

Kính mong Bệ hạ! Năm giữ quyền uy khắp chốn, lấy uy thiên hạ mà trị vì muôn dân, như thế cũng đủ nhận chìm hết mọi tai họa mà che chở cho đời. Thắp sáng vũ kinh trong bảy đức, mở mang văn giáo ở thập luân, thấm nhuần cả sông suối, hóa chuyển cả cỏ cây, làm cho loài cỏ dại cũng xinh tươi, giống sâu cũng ra hoa. Vườn thú ngựa hoang cũng tuân theo luật nước. Khơi dậy Tử cao ở nơi cửa cung, nương mây trắng ở chốn Ngọc Kiềm. Cây khô cũng trở thành tươi tốt mà ao đầm đầy nước, lửa sáng khắp nơi. Ở trên núi cao mà trông ngóng khơi dậy biển khơi

để biết ngọn nguồn. Sách sử đều nói về các việc trước, há như nhà Hán mở trường dịch để tiếp gần Kim Thành, Quân Tần đóng ở Quế Lâm chỉ mới thông được Châu Phố mà thôi. Huyền Trang may mắn nhờ đất trời từ niên hiệu Trinh Quán lia cõi tinh hoa tĩn bậc, đem tâm về nơi Tây Vực, dám mong cầu điều tốt. Mạng sống đồng như sương sớm, lực thệ cõi thu chung. Chốn Hoàng Linh thân phiêu ảnh tiến, xoay vần về quê hương lễ bái. Lưu lạc xa lia bên ngoài, thấy rõ cả cỏ cây muôn thú mới nghiệm được việc trước đã nghe. Chim Cô Loan ở nước Kế-tân cùng trở về chốn xưa. Bảy giờ, năm dài chất chứa người nguyện trời theo, bèn ra khỏi núi tuyết mà vượt qua sông Đê-hà, thấy được Hạc Lâm mà xem núi Linh Thứu, con đường đến kỳ viên vẫn còn phẳng phất. Nền cũ thành vua cứ mãi vấn vương, tìm cầu xem xét khắp nơi đã có nhiều thay đổi, cho là rời xa đế kinh lâu hơn thế kỷ. Những điều đã nghe, những chỗ đã đi qua có một trăm hai mươi tám nước. Trộm y cứ vào sự ghi chép của Chương Ngạn thì chỗ không mà trình bày rộng khắp. Xây đắp lăng mộ tổ tiên không y theo phong thổ. Ban Siêu theo hầu mà vẫn chưa xa. Trương Khiên mong cầu mà không rộng. Nay lời ký trình bày có điều khác với những gì đã nghe từ trước. Tuy chưa phải là bờ cõi cùng cực của Đại thiên, nhưng đã cùng tận cảnh giới bên ngoài, đều ghi chép lại đầy đủ không dám điều ngoa. Cẩn thận biên chép đầy đủ, đặt tên là “Đại Đường Tây Vực Ký”, gồm mười hai quyển. Sao chép lại các việc riêng biệt, mong cầu ngài bút của họ Ban, tô điểm cho lời nói, che bác vật ở nơi Tấn thân, rộng tuyên cửu khâu đối với Hoàng Đại. Nhưng Huyền Trang tư chất kém cỏi, lậu hoặc lại nhiều, lại vụng về trong việc ghi chép, sợ rằng không đủ sức nhìn rộng.

Đến năm Bính thân, thần bút lại đáp thư rằng: Xem thơ thấy rõ hết ý tưởng, Pháp sư tức hạnh cao sâu, sớm ra khỏi trần lao, đi trên thuyền báu mà lên bờ kéo. Mưu cầu đạo mầu mà mở rộng pháp môn, truyền bá đại đạo để gội rửa các tội. Cho nên áng mây lành muốn che mát khắp bốn cõi không, mặt trời trí tuệ sẽ soi sáng cả tám phương mờ tối. Nhưng người thấp sáng ngọn đèn cho chúng sanh đó chỉ có Pháp sư. Trầm học lực yếu kém, tâm trí mê mờ đối với vạn vật. Huống gì Phật giáo nhiệm mầu, há có thể đo lường được. thỉnh viết lời tựa kinh, đó chẳng phải là chỗ thấy nghe của mình.

Vua lại nói: Bài văn Tây Vực Ký vừa mới biên soạn, sẽ tự mình xem qua. Năm Đinh Dậu, nhận được sắc chỉ, Sa-môn Huyền Trang lại dâng biểu tâu: Nhận được sắc chỉ, Huyền Trang nhận thấy mình nghiệp hạnh mỏng manh mà lạm xen vào hàng tăng. May mắn gặp được cửu

trùng, cắt đứt tứ biểu không còn lo lắng gì.

Hoàng đế đi chinh phạt xa, thị quốc uy để hỏi đạo. Mạo hiểm khắp nơi để bày tỏ lòng ngu thành, đem kinh sách mà ôm lòng hoài tưởng hóa đạo tại thiên triều. Cho nên gặp được bộ kinh luận nào liền muốn dịch ngay. Sách đã dịch thành rồi mà chưa có lời tựa. Kính mong Bộ hạ, ân đức sâu xa, che cả đất trời, lý luận thì bao gồm cả vạn tượng, điều phục tâm tánh mà trở thành người tài giỏi, tiếng tăm vượt hơn nghìn xưa, che lấp cả trăm vua. Trộm dùng thần lực vô phương, nếu không phải thần uy của Bộ hạ thì không thể luận bày hết nghĩa lý.

Thánh giáo sâu xa, nếu không phải bậc Thánh quân ghi lời tựa thì làm sao tỏ hết ngọn nguồn. Cho nên bản tặng mới mạo phạm uy nghiêm dám mong người ghi lời tựa. Huyền Trang nghe: Trời trăng soi sáng cả đất trời, không chỉ chiếu tỏ bên khung cửa mà sông núi, đất đai cũng được chiếu sáng. Mây hòa nhạc trời khắp nơi cũng không tạo chút ảnh hưởng với người điếc. Vàng ngọc châu báu đâu làm dao động kẻ mù lòa. Dám duyên theo lý này thì phước báo thật vô cùng.

Cầu nguyện mưa gió đúng lúc, thiên văn tỏ chiếu, phối lưỡng nghi mà được lâu dài, cùng trời trăng để mà soi chung. Nhưng vì kinh ngọc trước lời lẽ sâu xa, nên mượn thần bút mà truyền rộng ra. Thác mượn ngôn từ người tài giỏi để mà tuyên dương. Há đâu chỉ khư khư vì phạm chúng mà riêng nhờ ân đức tôn vinh, vì chúng sanh mê lầm mới vượt ra cõi trần lụy mà thôi.

Lúc này vua mới bằng lòng. Mùa Xuân năm thứ hai mươi hai, vua xa giá đến cung Ngọc Hoa. Mùa Hạ tháng năm năm Giáp ngọ, Pháp sư dịch bộ luận Du-già-sư-địa xong, gồm một trăm quyển. Tháng sáu năm Canh thìn, Vua ban sắc mời Pháp sư vào cung. Khi đi giữa đường thì có sứ đến, khiến cho thông thả vào triều để dừng làm lao nhọc Pháp sư. Đến lúc vào cung Ngọc Hoa, vua trông thấy Pháp sư thì rất vui mừng. Vua nói: Trẫm ở tại cung khổ vì nóng bức cho nên mới dời về núi này. Ở đây có suối đá mát mẻ nên khí lực khỏe mạnh, có thể tĩnh táo mà xem xét mọi việc, nhưng lại nhớ Pháp sư, cho nên cho đi mời làm một nhọc Ngài.

Pháp sư từ tạ: Dân đen ở trong bốn biển, đều nhờ ân Bộ hạ mà được sống còn, thân thể thánh đức không được an ổn thì trăm họ cũng lo buồn. Nay xe loan đã đến đây thì nên nghỉ ngơi cùng với thiên nhiên, chớ nên bận bịu các việc. Nguyện xin Bộ hạ mãi mãi gánh vác việc lớn lao đồng với sự vô cực của trời. Huyền Trang đức mỏng cũng mong nhờ ân triều đình không màng sự mệt nhọc.

Vua vì thấy Pháp sư học nghiệp đầy đủ, nghi vận cũng sâu xa. Mỗi ý nghĩ đều lo lắng đến cuộc đời, cho đến cùng với mọi người lo việc triều chánh.

Thế nên vua cùng đến cung Lạc Vương để thường gặp mặt Pháp sư hầu luận bàn đạo pháp. Khi vua đến thì lại nói rằng: Xưa các vua Ng-hiêu, Thuấn, Vũ, Thương, rồi nhà Chu rộng lớn, nhà Hán hưng thịnh, đều cho là việc sáu hợp rộng lớn, việc muôn cơ tha thiết. Chỉ có hai mắt thì không thể quan sát khắp hết, chỉ một tâm thì khó riêng xét. Cho nên nhà Chu dựa vào mười loạn, vua Thuấn nương vào năm quan, mở mang việc triều chính, hòa hợp với các nước gần. Các vị minh quân thánh chủ còn phải nhờ đến bậc tôi hiền, hưởng chi trăm ít đức mê mờ, mà lẽ nào không nương vào bậc hiền giả sao?.

Ý trăm muốn Pháp sư cởi bỏ pháp phục Bồ-đề, mặc áo trắng Duy-ma-cật, mà mưu tìm đường công danh huyễn lộ, ngồi dưới sân hộc mà luận đạo. Vậy ý Ngài nghĩ thế nào?

Pháp sư đáp rằng: Bệ hạ nói là: Việc sáu hợp rộng lớn, ba vua, năm vua không thể một mình mà giữ gìn được, nhờ các hiền giả lo toan mà được thành tựu. Khổng Tử cũng nói: “Vua mất bề tôi được”. Cho nên vua là người đứng đầu, còn bề tôi là tay chân. Huyền trang lại cho rằng: Lời nói này nếu theo lý trung dung thì chẳng phải là thượng trí. Nếu bảo có bề tôi hiền thì đều được, thì vua Kiệt, vua Trụ há là không có tôi hiền sao? Y cứ vào đó mà suy thì không hẳn phải như thế, Bệ hạ là bậc quân vương thượng trí, nếu một người lập được kỷ cương đầu mối thì muôn việc tự khắc được thành. Huống chi từ lúc Bệ hạ hưng quốc đến nay, trời đất thấy đều an bình, trong ngoài đều yên ổn? Đó chính là do Bệ hạ không hoang dâm vô độ, không xa xỉ đắm mê theo dục lạc, hết lòng mở mang cơ nghiệp, đổi mới đất nước. Tuy được nghỉ ngơi mà lại không nghỉ, ở chỗ an lành mà nghĩ tới việc nguy nạn của muôn dân, vì chí nguyện muốn thay trời làm lành.

Huống gì tham dự vào các việc khác. Nay xin luận ra hai, ba việc để minh chứng Bệ hạ là người mưu lược trong cả tám cõi, là người tài đức giỏi giang trong cả nước, có công bình định việc họa loạn trong nước, mở mang cơ nghiệp muôn đời. Về đức độ thì thông minh trí tuệ, phong tư lễ nghĩa đủ đầy, đó là thọ trời trao cho, không phải chỉ nhờ vào sức người. Đó là nghĩa thứ nhất. Giữ gốc bỏ ngọn, chuộng nhân chuộng lễ. Dời phong tục nhà Nghiêu nơi quý tộc, đổi thuần chánh đối với Thượng hoàng, giữ nghiêm pháp luật mà xem nhẹ pháp chế, dùng hình phạt mà lại xem thường kinh điển. Bốn biển chín châu, muôn loài hàm

thức, đều thấm nhuần ân này mà được an ổn. Đây chính là do thánh tâm khuyến hóa, không nhờ nơi sức người. Đây là nghĩa thứ hai.

Chí đạo mà càng thông thì ân sâu càng tỏ, hướng Đông thì đi đến Nhật Bản, Tây Vực, phía Tây thì đến Côn Khâu, phía Nam thì qua tận Diêm Châu, phía Bắc thì cùng cả cõi Huyền tặc. Rồi các phong tục khắc chân uống mũi, phong tục người mặc y phục bằng các loại cỏ và vạt áo bên trái, cho đến khí hậu mưa gió cũng khác xa. Các nơi đều đem đến triều cống đầy đủ châu báu. Đây cũng do thiên uy chiêu cảm nên chớ không nhờ vào sức người. Đây là nghĩa thứ ba. Giống người Hiểm Duẫn làm loạn đến nay đã lâu, năm đế không chịu thần phục, ba vương cũng không thể chế ngăn, do đó mà khiến cho vùng Hà Lạc trở thành hoang dã, nơi Phong Cao trở thành hội trường Minh Cảo, khi Trung Quốc bị chia lìa, bọn Hung Nô càng đắc chí. Từ đời Ân Chu đến nay không có lúc nào an ổn. Đến đời Hán Vũ đem binh trừ phạt mới dẹp yên được. Tuy vậy, cành lá tuy đã chặt bỏ mà gốc rễ vẫn còn, từ đó về sau không thấy một phương sách nào tốt đẹp. Rồi đến khi Bệ hạ ngự giá thân chinh một lần liền dứt hẳn, làm cho khuynh đảo cả hang ổ, không còn di chứng. Các vùng biển xa xôi đều phong cho vua Hung Nô, để làm tôi thần. Nếu nói là do bề tôi, thì thời Ngu Hạ đến nay hiền thần rất nhiều, vì sao lại không thu phục được. Cho nên biết rằng người có đạo đức thì mọi việc ắt sẽ thành, không cần phải nhờ vào người khác. Đây là nghĩa thứ tư. Như nước Cao Ly là phiên quốc nhỏ mà thất lễ với thượng quốc, vua nhà Tùy mới đem hết quân trong nước đánh dẹp ba lần, công phá thành mà không hao tổn nửa cọng cỏ, không xâm phạm đến một người nơi hoang vắng. Rồi giả như để tang Lục Quân, cùng kéo nhau trở về. Bệ hạ bỗng chốc đem binh mã cả hằng muôn bày thế trận mạnh khắp cả cấm đường, phá tan tòa thành vững chắc của Liêu Cái.

Thắng trận trở về, bắt được hơn ba mươi muôn quân giặc. Vua dụng binh khiến tướng theo pháp đạo không khác. Đến khi nhà Tùy mất, nhà Đường nối tiếp. Cho nên biết là do chủ chứ không do nơi người khác. Đó là nghĩa thứ năm. Lại như trời đất giao thời, trời trăng chiếu soi, khí trời chan hòa, mây lành rục rờ. Năm linh bày ra các vẻ nhiệm mầu như sói trắng, chồn trắng, chim đỏ, cỏ đỏ. Muôn thứ chiếu soi sặc sỡ đến vô lượng ức ngàn không thể nói hết. Đó đều là do đức mà có, chứ không phải nhờ người khác. Đây là bản tạng muốn tử dụ các vì vua trước có kỳ công dẹp loạn. Trộm nghĩ Bệ hạ không nhận lấy thì dù cho cần người thì nay bậc hiền lữ theo về cũng nhiều. Huyền Trang đâu đủ tài sức để tham dự vào. Chỉ một lòng giữ giới chốn thiền môn, để mở

mang đạo pháp, ý nguyện này kính xin Thánh thượng mở lòng từ chớ nên ép buộc.

Vua nghe xong thì vui vẻ nói với Pháp sư rằng: Những lời Pháp sư vừa trình bày đều nhờ thần lực nhiệm mầu cùng sự linh ứng của tông miếu, năng lực của bậc khanh sĩ, trẫm làm sao được như vậy, khanh đã muốn mở mang đạo mầu, ta cũng không thể trái với ý nguyện bậc chí cao, hãy nên cố gắng. Từ nay về sau, ta cũng sẽ trợ duyên cho Pháp sư mở mang đạo pháp.

Thích Ngạn Tông chú thích rằng:

* Pháp sư tài đức kiêm cả trong ngoài. Khi gặp việc thì đối đáp hòa hợp như thế, thật là khó thay! Thuở xưa, ngài Đạo An dâng biểu can ngăn mà xa giá vua Phù Kiên vẫn không dừng, Hằng Tiêu dâng biểu từ tạ mà tâm Diêu Hưng vẫn không màng tới. Cuối cùng dẫn đến cái nhục bị bại trận phải đào tẩu trốn đi. Há như Pháp sư dùng lời nhã nhặn luận biện bày tỏ, Thánh hoàng chấp nhận, gió mát thổi đến, chí nguyện càng vững, nói theo đây thì không cần nhọc công cũng thấy hơn kém. Bấy giờ, quan Trung lệnh là Trữ Toại Lương dâng biểu tâu rằng:

Nay bốn biển đều mở mang, chín cõi đều được an ổn, đó là nhờ thánh đức của Bệ hạ như lời Pháp sư nói, chúng thần chỉ phụ tá mà thôi. Dưới vầng nhật nguyệt thì ánh sáng của đóm đóm nào có nghĩa lý gì?

Vua xem rồi cười mà nói rằng:

Không phải như vậy? Áo cừu quý chẳng cần phải là da nách của con chồn, nhà lớn cần phải dùng nhiều cây gỗ mới tạo thành, làm sao chỉ có một mình ông vua mà lo toan xã tắc hết được. Pháp sư vì muốn giữ tròn tiết tháo, cho nên mới lạm bày đề cao như vậy!.

Vua lại hỏi Pháp sư: Pháp sư đang phiên dịch bộ kinh luận gì?

Pháp sư đáp: Phiên dịch gần xong bộ luận Du-già-sư-địa, gồm một trăm quyển.

Vua nói: Bộ luận này rất lớn, không biết vị Thánh nào nói mà nghĩa lý rõ ràng như thế?

Đáp: Luận này do Bồ-tát Di-lặc nói, nói rõ ý nghĩa mười bảy địa.

Lại hỏi: Vì sao gọi là mười bảy địa?

Đáp: Đó là: Ngũ thức tương ứng địa, ý thức tương ứng địa, Hữu tâm hữu từ địa, Vô tâm duy từ địa, Vô tâm vô từ địa, Tam-ma-hy-đa địa, Phi Tam-ma-hý-đa địa, Hữu tâm địa, Vô tâm địa, Văn sở thành địa, Tư sở thành địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa,

Hữu dư y địa, Vô dư y địa.

Rồi Ngài nêu ra các đề mục phân ra các yếu nghĩa rõ ràng.

Vua nghe xong rất thích thú, bèn sai người về kinh đô lấy bộ luận Du-già đem đến. Vua tự mình xem kỹ, thấy văn từ ý thật sâu xa, chẳng phải điều từ trước đến giờ từng nghe thấy. Rồi vua than với các quan hầu cận rằng:

Trẫm xem kinh Phật chẳng khác nào như nhìn trời trông biển, không thể nào lường được độ cao sâu, Pháp sư đã đi cầu pháp bên xứ Tây Vực, được pháp sâu này, trẫm vì lo toan việc nước việc quân nên không thể tìm hiểu lời Phật dạy, mà nay xem qua nguồn gốc của các học phái không thể hiểu hết bờ mé. Nho giáo đạo giáo trong chín dòng so với Phật giáo như chùm bọt giữa dòng đại dương mênh mông, người đời cho là tam giáo ngang bằng chỉ là lời nói luống dối mà thôi.

Vua lại ban sắc cho các quan Sở ty tuyển chọn các bí thư, tỉnh thư để biên chép các kinh luận mới phiên dịch thành chín bản. Bao gồm chín châu như: Duyệt châu, Tương Châu, Kinh Châu, Dương Châu, Lương Châu, Ích Châu... lần hồi đều được lưu thông, khiến cho kẻ sĩ trong nước cùng lãnh thọ những nghĩa lý chưa nghe.

Bây giờ, có quan Tư đồ Triệu Công Trường Tôn Vô Ky, quan Trung thư lệnh Trữ Toại Lương... dâng biểu tâu lên vua:

“Phật giáo nghĩa sâu xa lý thật sâu mầu, hàng trời, người không thể nào đo lường nổi. Lời nói vốn đã sâu sắc, chữ nghĩa cũng khó vào. Kính mong Bệ hạ, chí đạo soi chiếu, ánh sáng như ban ngày, thấm nhuần khắp cõi xa, ân giáo đầy cả trong nước. Người hết lòng ủng hộ năm thừa, xây dựng Tam bảo. Cho nên mới gặp được Pháp sư, nên cây nhỏ mà bầm chất đã xanh tốt, trong khoảng một ngàn năm mà sinh trưởng vượt lên. Trải qua bao cách trở để cầu kinh, vượt trên mọi nguy hiểm để học đạo. Nhờ đó mới thấy được mọi sự quý giá hơn đời, gặp được đầy đủ chân văn, trở về nước phiên dịch, như bắt đầu nói trong vườn Am-la, văn chuyên ròn, nghĩa sâu kín, như miệng vàng mới mở đều do thánh đức của Bệ hạ chiêu cảm. Chúng thần ngu muội được dự vào sự thấy nghe này, trong biển khổ dậy sóng được nương thuyền từ, lại lòng thiên từ của Người lại rộng xa, truyền khắp chín châu, dù cho hạng dân đen thấp hèn cũng được nhờ ân đức pháp mầu. Chúng thần ước kiếp mong gặp, thật là may mắn không thể kể xiết.

Vua nói: Đây là do nguyện lực đại bi của Pháp sư, và do phước đời trước của các khanh mà được tương hội, chứ chẳng phải ân đức gì của riêng mình trẫm.

* Vua trước đây có hứa sẽ viết lời tựa cho kinh mới dịch. Vì việc quốc gia đại sự nên chưa làm được. Nay Pháp sư lại thưa thỉnh, nên vua liền cầm bút, chẳng bao lâu mà thành bài văn tựa, đặt tên là “Bài tựa Đại Đường Tam tạng Thánh Giáo”, gồm có bảy trăm tám mươi một chữ, bài tựa đã viết xong rồi, vua sai đặt trên đầu các bộ kinh.

Khi đó vua ngự ở điện Khánh Phước, có các quan theo hầu hạ, che chở. Vua thỉnh Pháp sư ngồi, rồi bảo Hoàng Văn Quán đại học sĩ là Thượng Quan Nghi đem bài tựa vua soạn đối trước các quan mà tuyên đọc lại lời tựa với những lời ý rõ ràng khúc chiết, mạch lạc sâu xa. Lời tựa nói rằng: “Nghe rằng nhị nghi có hình tượng che chở cho hàm sinh. Tứ thời vô hình đem thời tiết lạnh nóng để chuyển hóa muôn vật. Do vậy mà thấy rõ được trời đất, dù là kẻ ngu tình cũng biết được đầu mối, hiểu rõ âm dương, bậc hiền triết chẳng có bao người, nhưng mà trời đất bao gồm âm dương, nhưng cái dễ biết thì cho là có hình tượng. Âm dương ở khắp đất trời mà khó cùng tận cho đó là vô hình. Cho nên biết muôn tượng có thể hiển bày, tuy là ngu nhưng không mê hoặc, hình mất không thấy, là đối trí trí còn mê. Huống gì Phật đạo mầu nhiệm, lấy sự u huyền mà đạt đến chỗ vắng lặng. Pháp mở mang cứu giúp muôn người, kinh điển có mặt khắp mười phương, nêu bày oai linh mà không có pháp nào trên, đè nén thần lực nên không có pháp nào dưới. Lớn thì bao trùm cả vũ trụ, nhỏ thì nhiếp chứa đựng cả mảy may, vô diệt vô sinh. Trải qua ngàn kiếp mà vẫn không xưa, vừa ẩn vừa hiện, vận dụng trăm phước mà kéo dài đến nay, đạo mầu vắng lặng, vâng theo mà không biết hết cùng tận, dòng pháp vắng lặng mà không đo lường hết nguồn chân. Thế nên biết! Dù hạng phàm phu ngu muội cũng hiểu hết yếu chỉ này vậy.

Nhưng sự hưng khởi của Đại giáo, nền móng vốn ở Tây thổ. Ngài Ma-đăng đến đất Hán mà làm sáng tỏ điềm mộng, soi sáng Trung Quốc mà truyền bá đạo từ bi. Thuở xưa khi chia hình chia dấu, lời nói chưa đến đã thành giáo hóa, cho nên ngay nơi thường hiện thường. Người kính đức mà biết tuân theo, trong nẻo tối mà thấy được đường chân. Dung nghi sắc vàng che mất màu sắc thế gian, ánh sáng Tam thiên không gương, bốn mươi tám tướng uy phong soi cùng nhân thế, dùng lời nhiệm mầu mà truyền bá cứu độ chúng sanh trong ba cõi. Lời di huấn tuyên nói khắp xa gần, dẫn dắt hàm linh trong mười cõi. Nhưng chân giáo khó gặp, không thể một lời có thể đưa người quay về nẻo chánh. Còn việc học cong vạy thì dễ vâng theo, tà chánh rối loạn. Cho nên luận về chỗ “không, hữu” hoặc theo tập tục có phải trái, nương theo đại tiểu,

lúc gặp duyên thì hưng thịnh. Có Pháp sư Huyền Trang, là bậc thầy các pháp môn, khi còn nhỏ Pháp sư đã là người lanh lợi anh tài, sớm tỏ ngộ ba không, khế hợp cả thần tình. Trước bao gồm hạnh bốn nhẫn, từng giọt nước trăng không đang sánh với hoa sen xanh, hạt minh châu ở nơi cảnh tiên há có thể soi sáng bằng. Cho nên dùng trí thông suốt không ngăn ngại thì dù thần so lường cũng không thấy hình, vượt ngoài sáu trần mà ra khỏi thế gian, từ nghìn xưa đến nay chỉ có riêng Ngài. Tâm bất động trong chốn nội cảnh, nghĩ thương chánh pháp suy đổi mà tìm về chốn huyền môn, nghĩ đến văn nghĩa sâu xa bị sai lạc, nên muốn phân rõ mọi điều triết lý. Rộng đem những điều nghe biết trước kia để cất bỏ sự ngụy vọng, nối tiếp lời chân, khai sáng cho người hậu học. Thế nên ngài nghiêng tâm về tịnh độ, đi du hóa sang cõi Tây Vực, vượt bao nguy hiểm giữa chốn xa xôi, một mình vượt qua bao hiểm trở giữa núi tuyết bao la, giữa chùng lạch đường, đi qua biển cát trong đêm tối tăm. Không phân định được trời đất, vượt qua sông núi cả muôn dặm, dựa vào khối mây mà tiến bước, trăm lần nóng lạnh, nương theo đường tuyết mà đi, lòng chí thành nặng hơn cả mọi sự mệt nhọc, nhờ mưu cầu sâu xa mà ý nguyện đạt thành, chu du khắp xứ Tây Vực suốt mười bảy năm ròng, trải qua nhiều nước, học hỏi tìm cầu chánh giáo. Nơi chốn song lâm bát thủy thấy được chân lý đạo mẫu, trong vườn nai, trên ngọn Linh Thứu thấy được bao điều kỳ diệu, theo lời dạy rỏ ráo của bậc Tiên thánh, thọ học chân giáo với các vị Thượng hiền, hiểu sâu sắc các pháp môn vi diệu. Tinh thông hết nghĩa sâu xa của đạo Nhất thừa ngũ luật, rong ruổi trên mảnh ruộng tâm chớ về có đến ba hòm tám tạng, vượt cửa biển sóng gió, trải qua các nước mới mang về được.

Tổng số ba tạng mang về gồm có sáu trăm năm mươi tám bộ, dịch ra tiếng Trung Hoa để tuyên dương thắng nghiệp, dẫn mây lành ở nơi Tây Vực, rớt mưa pháp ở chốn đông độ. Thánh giáo thiếu trở thành đủ đầy. Chúng sanh có tội mà lại được phước. Dập tắt nhà lửa trogn ba cõi, để cứu giúp đường mê, vượt qua sóng mờ tối của sông ái, cùng đến bờ giác ngộ. Thế nên biết, làm ác sẽ bị đọa lạc, làm thiện thì được sanh lên cõi lành. Phước trời hết thì tùy sanh xuống làm người, cũng ví như người trồng cây quế ở trên núi cao, khi mây tan mới thấy được hoa của nó. Hoa sen vươn lên từ sóng xanh, không để chút bụi trần dính vào cánh của nó, chẳng phải tự hoa sen tánh nó tự thanh khiết, và quế nào phải bầm chất tự trong sạch, bởi do nó nương trên chỗ cao, thì không có vật nhỏ bé nào có thể trói buộc nó. Còn hoa sen nhờ nương vào chỗ sạch nên không có loại nhỏ uế nào có thể thấm vào nó. Thế nên, dù là

cây cỏ vô tri còn nhờ chỗ tốt mà thành tốt, huống chi loài người có hiểu biết, lại không duyên vào chỗ lành để được an lành sao? Thế nên muốn lưu truyền rộng kinh này, cùng khắp vô tận như nhật nguyệt thì phước này thật vô lượng, to lớn như trời đất bao la.

Lúc này, Pháp sư kính vâng thánh chỉ, liền dâng biểu tạ rằng: Sa-môn Huyền Trang nói:

Trộm nghe lục hào sâu xa, cũng hạn cục trong chỗ sinh diệt. Trăm vật chính danh cũng chưa vượt qua được cảnh giới chân như. Vả như đem sách Phục Hy ra mà làm chứng, thấy chỗ sâu xa mà không thể đo hết được sự thần bí, xa tưởng Hiên Đồ, đã chọn ra những điều tốt đẹp.

Kính mong Hoàng đế bệ hạ là bậc ngọc hào giáng chất, kim luân chế ngự cả trời, mở mang chín châu của tiên vương, nắm giữ trong tay trăm ngàn nhật nguyệt, mở mang bờ cõi qua các đời, thấm nập vào pháp giới Hằng sa. Từ đó mà khiến tinh xá vườn Cấp cô độc, đều nhập vào cõi này, đầy đủ linh văn mà tạo thành sách.

Huyền Trang này nhân đến đây chốn tích tham yết chốn núi cao, trải qua ngàn dặm, nhờ thiên uy mà cất bước, chẳng phải nhờ Thiên diệp. Khi đến Song Lâm như trong khoảnh khắc bữa ăn, mở mang ba tạng. Đi đến tận cung rồng, nghiên cứu đạo Nhất thừa. Nhận di chỉ nơi Linh Thứu, chở kinh trên lưng ngựa trắng, trở về bốn quốc. Mang ân vua ban sắc cho phiên dịch Huyền Trang này trí thua ngài Long Thọ mà lạm nhận sự truyền đăng Phật đạo. Tài thì kém ngài Mã Minh, càng hổ thẹn cầm bút dịch kinh e nhiều chỗ còn lầm lẫn chưa thông. Nay nhờ ân Thánh thượng quan tâm viết lời tựa, văn chương siêu xuất biểu tượng cao minh, lý bao gồm hết mọi pháp môn mâu nhiệm, bỗng nhiên sanh ra, đích thân thừa lãnh ân đức Phạm thiên, hớn hở vui mừng. Như nghe lời thọ ký, không còn ân đức nào hơn. Kính cẩn dâng biểu, xin đem bày tỏ tấm lòng từ tạ ân Thánh đế. Vua vừa xem biểu xong, lại biên thư đáp:

Trẫm tài thì mượn khuê chương, lời nói còn chưa thông đạt, còn nội điển thì làm sao có thể tỏ thông hết được. Mạo viết lời tựa văn sâu mà vụng về, nên e mực đen làm ô sách vàng, đem ngói gạch để vào rừng châu. Khi sách thành tựu thì cũng tiếm nhận lời khen ngợi mà thôi. Không xứng đáng để tạ ơn.